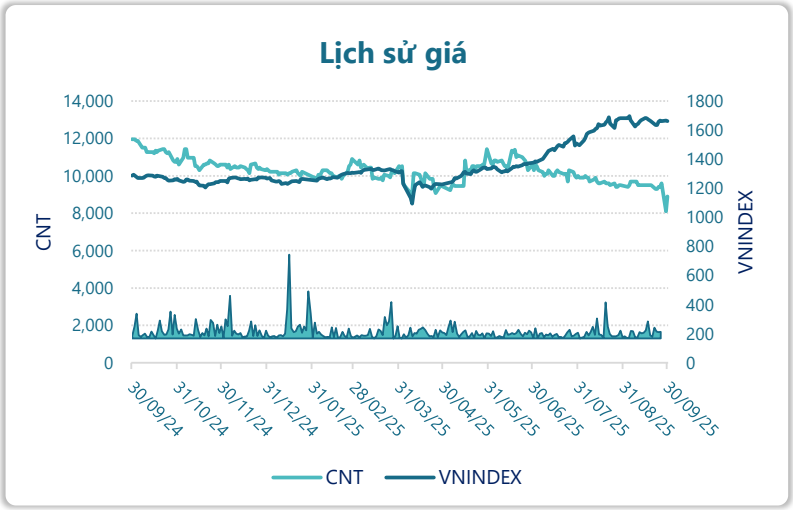
FireAnt

CTCP Tập đoàn CNT (UPCOM: CNT)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,954
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	65,380,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,120
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	582
P/E	25.5
EPS	349

DT thuần

Q3/25

11.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.40| -3.1%

YoY: ▼28.1| -70.7%

LN sau thuế

Q3/25

6.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.78| 596%

YoY: ▼13.6| -66.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

67.2%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

9T 2025

29.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼174| -85.3%

LN sau thuế

9T 2025

10.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼112| -91.5%

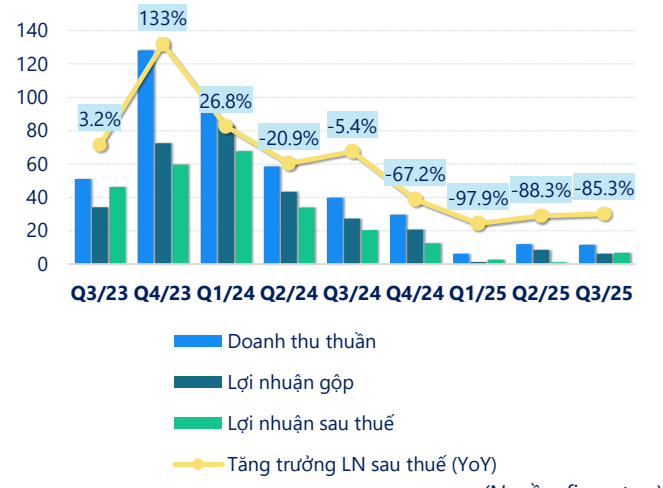
ROE

Q3/25

3.3%

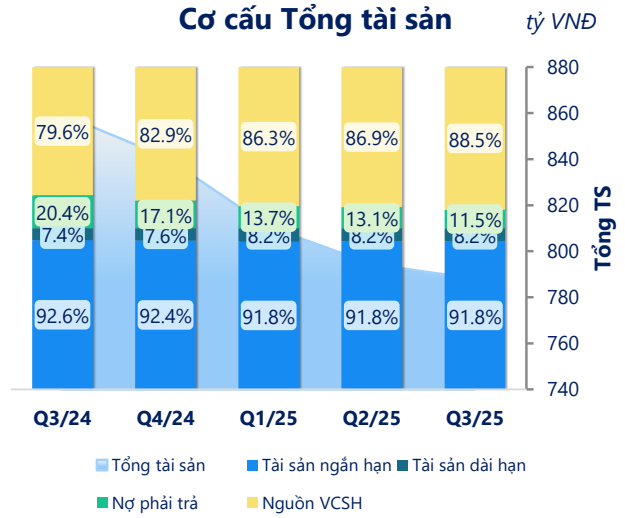
+/- YoY: ▼ 27.9%

Kết quả kinh doanh



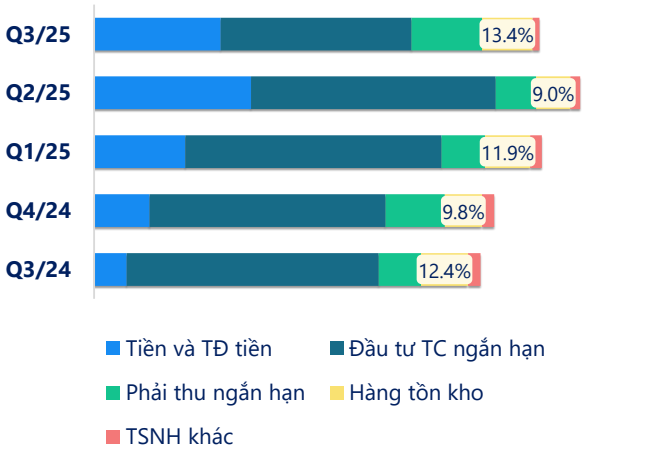
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



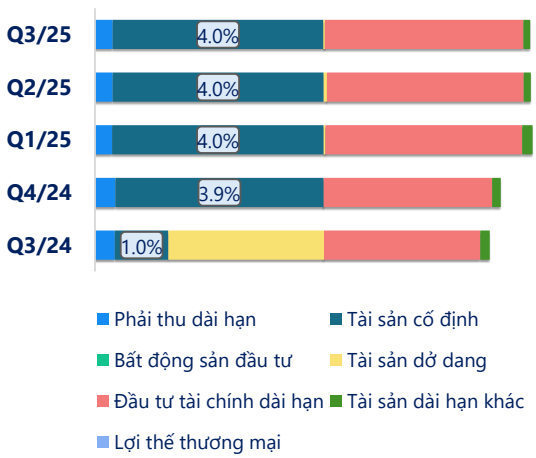
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



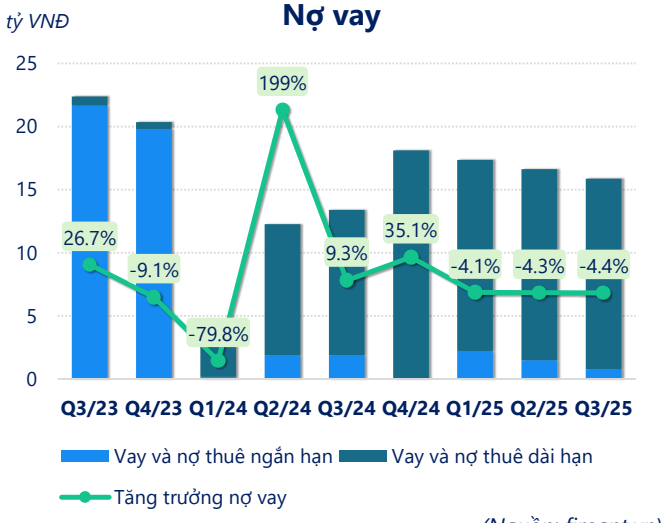
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



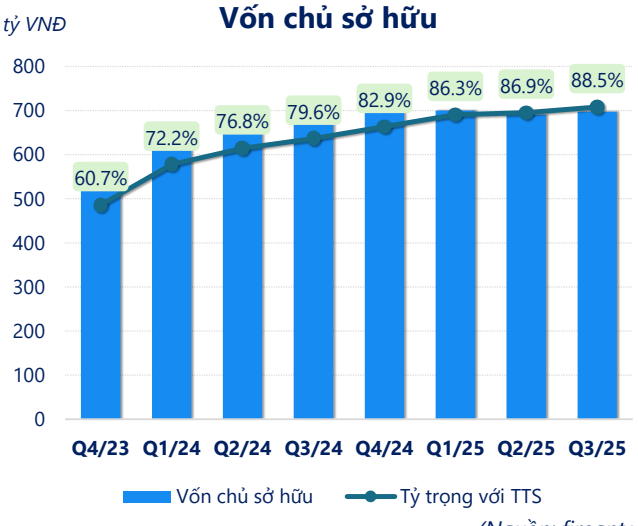
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



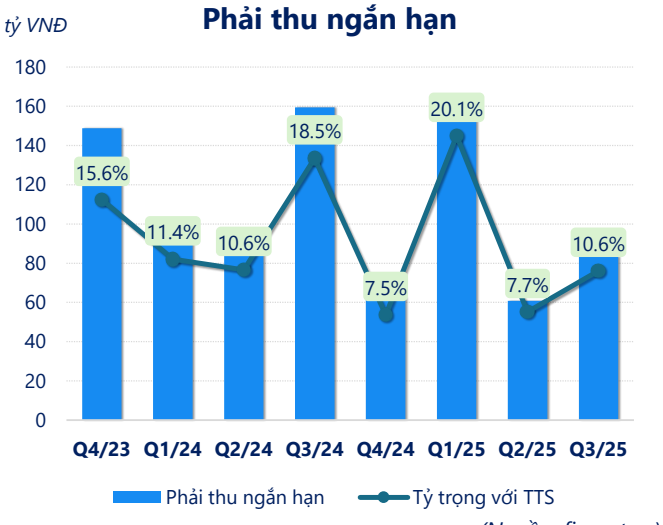
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



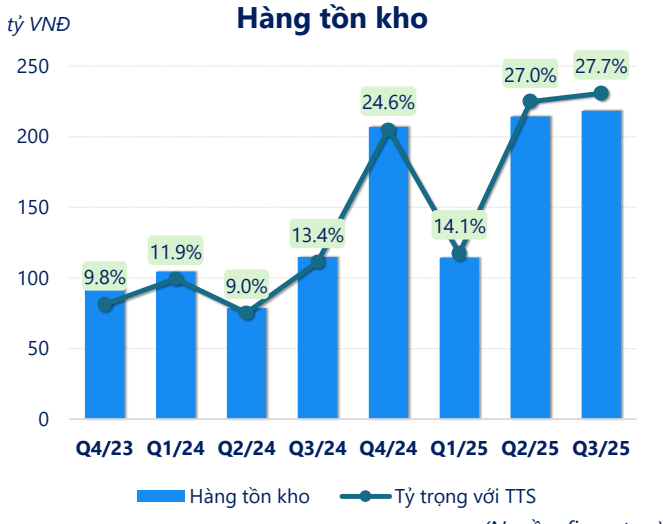
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



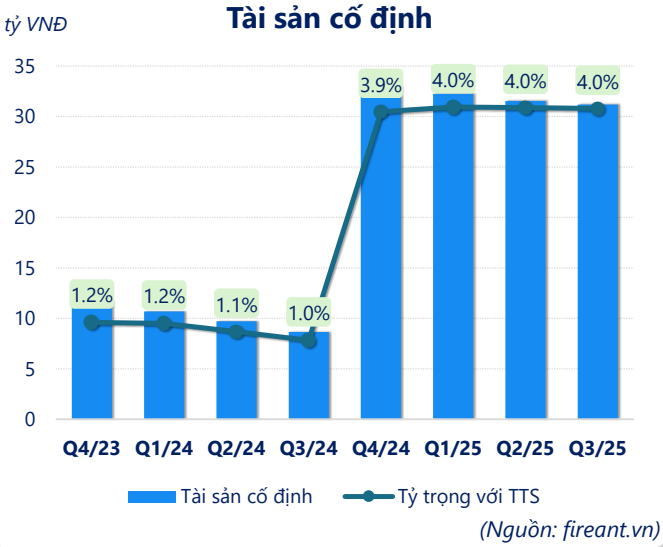
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



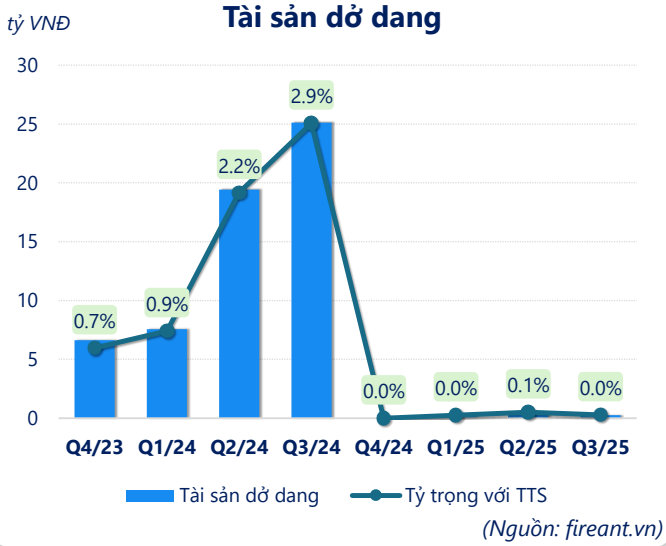
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



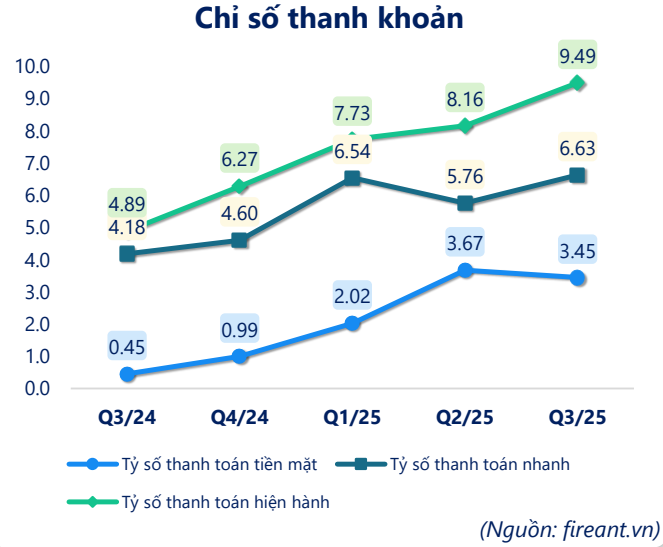
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



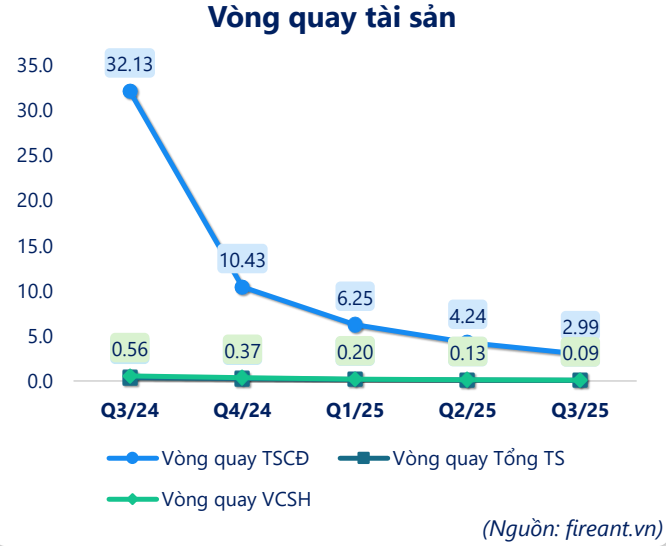
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**859**	**841**	**811**	**794**	**788**
Tài sản ngắn hạn	**796**	**777**	**744**	**729**	**723**
Tiền và tương đương tiền	74.0	123	195	328	263
Đầu tư tài chính ngắn hạn	432	370	260	115	149
Phải thu ngắn hạn	159	62.7	163	60.9	83.4
Hàng tồn kho	115	207	114	214	218
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	14.5	11.6	11.2	10.7
Tài sản dài hạn	**63.8**	**64.2**	**66.7**	**65.1**	**64.5**
Phải thu dài hạn	3.22	3.21	2.63	2.63	2.63
Tài sản cố định	8.65	33.0	32.3	31.5	31.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.1	0	0.25	0.47	0.25
Đầu tư tài chính dài hạn	25.3	26.6	30.0	29.4	29.4
Tài sản dài hạn khác	1.53	1.38	1.60	1.04	0.98
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**176**	**144**	**111**	**104**	**90.6**
Nợ ngắn hạn	**163**	**124**	**96.2**	**89.4**	**76.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.88	0	2.23	1.48	0.75
Phải trả người bán ngắn hạn	8.26	4.29	7.23	3.31	1.69
Nợ dài hạn	12.9	20.0	14.7	14.4	14.4
Vay và nợ thuê dài hạn	11.5	18.1	15.1	15.1	15.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**684**	**697**	**700**	**691**	**697**
Vốn chủ sở hữu	**684**	**697**	**700**	**691**	**697**
Vốn điều lệ	504	504	504	504	655
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)